

Phần Giới Thiệu

'*Phật độ Nanda*' được dịch từ tác phẩm tiếng Sanskrit (Bắc Phạn) '*Saundarananda*' của tác giả *Ásvaghosa*. Lưu bút ở cuối tác phẩm ghi lại rằng: '*Tác phẩm này của vị đại giảng sư, đại thi sĩ, tỳ khưu giáo thọ sư khả kính Ásvaghosa, người con trai cao quý của bà Suvarṇakṣi.*' Theo sự nghiên cứu của E. H. Johnston, cuộc đời của tác giả được ước định vào khoảng giữa của những năm 50 trước Tây lịch cho đến năm 100 sau Tây lịch. Về các tác phẩm của người, Johnston ghi nhận có ba tác phẩm chính:

1. *Buddhacarita* (Cuộc đời Đức Phật)
2. *Saundarananda* (câu chuyện về Tôn-giả Nanda)
3. *Sāriputraprakarana* (giới thiệu về cuộc đời Đại đệ tử thứ nhất tức là Ngài Xá-lợi-phất)

Theo tài liệu của Trung-quốc và Tây-tạng, còn có thêm nhiều bản dịch khác được giới thiệu do người sáng tác. Vấn đề này vẫn còn chưa được sáng tỏ vì các học giả phương Tây không tìm thấy được nguyên tác tiếng Sanskrit của những bản dịch ấy. Hơn nữa, các tác phẩm ấy có tính cách lý luận về Triết-học Phật-giáo, trong khi tác giả được giới thiệu là một giảng sư và giáo thọ sư, cho nên vấn đề này vẫn còn bỏ ngỏ để các nhà học giả phương Tây tiếp tục nghiên cứu. Điểm đặc biệt là không có bản dịch tương đương tiếng Trung-quốc và tiếng Tây-tạng của tác phẩm '*Saundarananda*'; đây chính là điểm quyết định cho chúng tôi tiến hành việc phiên dịch tác phẩm này.

Giới thiệu về *Āśvaghoṣa* trong '*Acts of the Buddha*' bản dịch tiếng Anh của '*Buddhacarita*', Johnston đã viết phần *Introduction* dài 86 trang trình bày về nhiều khía cạnh liên quan đến tác giả. Chúng tôi chỉ trích dẫn ba tiêu đề đã được Johnston đề cập đến: *Āśvaghoṣa* là một vị tu sĩ Phật-giáo, là một học giả, và là một nhà thơ. Chúng tôi sẽ trình bày ba vấn đề này dựa trên sự 'học và hiểu' của cá nhân bằng cách trích dẫn các chứng cứ từ tác phẩm '*Saundarananda*' (một số trích dẫn đã được Johnston đề cập sẽ được tóm lược lại, một số khác do người dịch đã ghi lại trong quá trình dịch thuật).

1. Người là một vị tu sĩ Phật giáo nổi tiếng: *Āśvaghoṣa* là một tu sĩ Phật-giáo, xuất thân Bà-la-môn giáo. Căn cứ vào sự hiểu biết rành rẽ của tác giả về các nghi thức của giới tu sĩ Bà-la-môn thời đó, cũng như các quy tắc về văn phạm của ngôn ngữ Sanskrit có nguồn gốc từ kinh Vệ-dà đã được sử dụng trong ba tác phẩm trên, khiến Johnston đưa ra lập luận này; tài liệu của Trung quốc cũng đồng quan điểm. Vấn đề Tác giả thuộc bộ phái nào của Phật-giáo cũng không xác định được nếu chỉ dựa vào tài liệu tiếng Sanskrit. Tuy nhiên, các nhà học giả phương Tây xác định rằng cả ba (3) tác phẩm trên đều không có những tư tưởng cá biệt của Đại Thừa và những lời giảng giải về giáo lý căn bản rất gần với tư tưởng Nguyên Thủy như Tứ Diệu Đế, Ngũ Căn, Thất Giác Chi, Bát Chánh Đạo, Nghiệp-Quả, v.v.... Tuy nhiên, vào phần cuối của chương XII, quan điểm của tác giả Đức Tin (*śraddha*) khiến Johnston suy nghĩ rằng đây có thể là điểm khởi đầu cho một số Tông phái thuộc Đại Thừa về sau này. Một điểm khác

nữa là bảng Danh Sách các vị đã chứng ngộ ở chương XVI từ (87) đến (91) gồm tên của 62 vị Đại Đệ tử của Đức Phật, một số tên tuổi rất quen thuộc được tìm thấy ở cả hai bộ phái chính. Tuy nhiên, Johnston đã cố gắng tra cứu các tài liệu từ Pàli, Sanskrit, và Trung quốc nhưng không thể tìm thấy một tài liệu trích dẫn nào có sự giống nhau hoàn toàn về tên của các vị ấy (Một bản dịch tiếng Trung quốc của Pháp sư Pháp Hiền có được vào khoảng 47, còn các tài liệu khác thì ít hơn). Riêng về tài liệu phiên dịch từ Hán tạng của Việt-nam cho biết tác giả chính là vị Tổ Đại Thừa thứ 12 của Ấn-độ tên Mã Minh, tức là từ dịch trực tiếp của từ *Āśvaghoṣa*, tiếng Sanskrit.

2. Người là một học giả uyên bác: Về điểm này, Johnston đã phân tích rất tỉ mỉ về phong cách sử dụng ngôn ngữ Sanskrit và đã dẫn chứng nhiều thí dụ chứng tỏ văn phong của tác giả có nhiều ảnh hưởng của kinh Vệ-dà. Bởi vì ở xứ Ấn-độ thời bấy giờ, giới Bà-la-môn có trách nhiệm gìn giữ truyền thống của giai cấp; cho nên một đứa trẻ được sanh ra trong giai cấp này đã được huấn luyện và học tập ngay từ lúc còn nhỏ. Hơn nữa, Đức Phật lúc hoàng khai Giáo-pháp, Ngài cũng đã sử dụng lại một số phương tiện tu tập có sẵn cũng như một số từ ngữ đã trở thành quen thuộc với dân chúng thời đó, dù với một ý nghĩa đã được thay đổi chút ít hoặc hoàn toàn khác biệt. Tác giả đã kế thừa được cả hai luồng tư tưởng ấy. Chúng tôi không muốn đi sâu về vấn đề này vì phần phân tích của Johnston nặng về tính chất chuyên môn và xét rằng cũng không cần thiết để đề cập đến. Vấn đề chúng tôi muốn đề cập ở đây là sự hiểu biết về các điển tịch cổ Ấn-độ của tác

giả. Lúc mới bắt tay vào dịch câu chuyện này, chúng tôi nghĩ rằng sẽ cố gắng chú thích các điển tích đã được tác giả sử dụng, nhưng cuối cùng phải thay đổi ý định, vì có nhiều điển tích ngay cả Johnston cũng không thể tìm ra tài liệu để trích dẫn. Thêm nữa, có nhiều điển tích lại quá dài không thể tóm lược được, e rằng sẽ đi dẫn dắt độc giả đi quá xa. Cho nên, đối với các độc giả hứng thú về các điển tích ấy, xin quý vị tìm đọc các tài liệu như Veda, Kumārasambhava, Purāṇa, Rāmāyaṇa, Mahābhārata, Abhiñānaśakuntala, v.v... tất cả đều đã được dịch ra tiếng Anh.

3. Người là một nhà thơ xuất chúng: Ở phần kết thúc của tác phẩm 'Saundarananda', tác giả xác định rằng "tác phẩm này tập trung vào chủ đề Giải-thoát được thực hiện theo thể thi ca, không nhằm vào mục đích giải trí mà nhằm vào việc giải thích rõ hơn về sự Tịch-tĩnh, nhằm mục đích thu hút được người nghe đang chú tâm vào công việc khác". Với tâm nguyện đó, tác giả đã thành công, vì hiện nay ở một vài vùng ở Ấn-độ, dân chúng vẫn còn truyền tụng một số trích đoạn từ thơ ca của người. Muốn hiểu được về nghệ thuật xử dụng âm thanh của tác giả, chúng ta cần phải được nghe những băng từ ghi âm của người bản xứ mới có thể cảm nhận được vẻ đẹp của nó. Chúng tôi chỉ xin đơn cử một số ví dụ ở chương II, hy vọng quý vị có thể cảm nhận sự đồn dập của vần điệu qua sự lặp lại của âm thanh (xin chú ý các âm được gạch dưới):

Vapuṣmāśca na ca stabdho dakṣiṇo na ca nārjavah,
tejasvī na ca na kṣāntaḥ kartā ca na ca vismitaḥ. (4)
Kṛta śāstrāḥ kṛtāstro vā jāto vā vipulē kule,

akrtārtho na dadṛśe yasya darśanamehivān. (8)

Pranātānanujagrāha vijagrāha kuladvīṣaḥ,

apannānparijagrāha nijagrāhāsthītānpathi. (10)

Vibhāvānvito'pi taruno'pi

viṣayacapalendriyo'pi saṁ, (32)

Māṅgīṭṣutasuḥṛtsadṛśaṁ

sa dadarśa tatra hi parasparaṁ janaḥ. (35)

Một điểm đặc biệt của tác giả là đã dùng rất nhiều ví dụ để so sánh. Đặc biệt có nhiều nơi, chỉ trong hai câu thơ ngắn, tác giả đã dùng đến ba, hoặc bốn sự so sánh. Ví dụ điển hình câu 23 cũng ở chương III có bốn sự so sánh (được báo hiệu bằng chữ 'iva'):

Salile kṣitāviva cacāra

jalamiṣa viveśa medinim,

megha iva divi vavarṣa punaḥ

punarajvalannva iva-udito raviḥ. (23)

Phân Việt ngữ: Ngài đã bước đi trên nước như trên đất bằng. Ngài đi vào trong trái đất như đi vào trong nước. Rồi Ngài đã làm mưa rơi như mây trên trời, và Ngài đã biến thành sáng chói như mặt trời mọc lúc rạng đông. (23)

Một vấn đề khác, đã được đề cập ở phần 2, mà quý độc giả có thể dễ dàng nhận ra khi đọc tác phẩm này, là tác giả đã khéo léo sử dụng rất nhiều tích truyện cổ trong tác phẩm của mình, giúp cho câu chuyện thêm phần súc tích.

Một điểm khác nữa thuộc về vấn đề chọn lựa từ ngữ. Như trường hợp một động từ của ngôn ngữ Sanskrit sẽ có ý nghĩa khác nhau khi có hai túc từ khác biệt. Thủ pháp đã được tác giả sử dụng ở tác phẩm này mà chúng tôi không thể trình bày chi tiết ở đây.

Johnston còn đưa ra những ví dụ chứng tỏ tác giả đã nâng cao nghệ thuật thơ ca trong các tác phẩm của mình so với các vị tiền bối nổi tiếng của nền văn chương cổ điển Sanskrit. Vì trình độ cá nhân còn hạn chế, chúng tôi chỉ xin trình bày về Āśvaghoṣa có bấy nhiêu. Nếu có khả năng xin quý độc giả tìm đọc tài liệu của Johnston để có được nhận định rõ ràng hơn.

Và Āśvaghoṣa cũng đã trình bày để xác định rằng *'trong tác phẩm này, bên cạnh chủ đề Giải-thoát, một số chi tiết khác đã được tôi kết hợp phù hợp với quy luật của thể thi ca này; tương tự như mật ngọt đã được thêm vào để giúp cho việc uống phương thuốc đắng được phần nào dễ dàng hơn.'* Quý độc giả có thể kiểm chứng điều này với tài liệu bằng ngôn ngữ Pāli (rất ngắn gọn) có đề cập đến Tôn-giả Nanda để thấy được khả năng sáng tạo của tác giả:

1. Udāna - Chương Ba: Phẩm Nanda,
2. Jātaka - Phẩm Asadisa: Chuyện tiền thân của Sangamāvacara,
3. Dhammapadatthakathā: Câu kệ 13 & 14,
4. Theragāthā: Câu kệ 157 & 158.

Riêng phần người dịch, sau khi hoàn tất bản dịch này, ngoài việc trau dồi sự hiểu biết về ngôn ngữ Sanskrit, cũng đã học hỏi thêm được một số kiến thức về Phật học, cụ thể là tiến trình về sự tu tập của một vị Tỷ-khưu trong Giáo-pháp của Đức Phật. Hy vọng rằng bản dịch này có thể đem lại cho quý độc giả ít nhiều lợi lạc.

Nguyệt Thiên
(Trương đình Dũng)